

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC XÉT
MIỄN HỌC MIỄN THI VÀ CÔNG NHẬN ĐIỂM CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày / /2020 của Giám đốc Học viện)

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyển đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
1	Vũ Việt Hoàng (Lớp: D18CQVT03-B MSV: B18DCVT179 Ngày sinh: 03/01/2000 CMT/CC: 013674241)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 625), cấp ngày 01/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 01/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
2	Nguyễn Văn Đức (Lớp: D18CQVT02-B MSV: B18DCVT114 Ngày sinh: 30/06/2000 CMT/CC: 013674678)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 570), cấp ngày 04/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 04/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	9	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	9	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
3	Lê Hải Đăng (Lớp: D18CQVT02-B MSV: B18DCVT098 Ngày sinh: 11/08/2000 CMT/CC: 001200019288)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 775), cấp ngày 04/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 04/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
4	Đào Thị Ngọc Anh (Lớp: D18CQVT05-B MSV: B18DCVT005 Ngày sinh: 16/09/2000 CMT/CC: 001300023635)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 550), cấp ngày 22/10/2019, thời hạn của chứng chỉ: 22/10/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
5	Trần Thị Bích Phượng (Lớp: D18CQVT01-B MSV: B18DCVT329 Ngày sinh: 01/12/2000 CMT/CC: 164665803)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 455), cấp ngày 05/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 05/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
6	Vũ Tiến Anh (Lớp: D18CQVT03-B MSV: B18DCVT027 Ngày sinh: 30/11/2000 CMT/CC: 001200002247)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 505), cấp ngày 01/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 01/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	8	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	8	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
7	Đỗ Anh Tùng (Lớp: D18CQVT01-B MSV: B18DCVT385 Ngày sinh: 03/09/2000 CMT/CC: 001200004075)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 870), cấp ngày 01/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 01/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
8	Phạm Tiến Hưng (Lớp: D18CQVT08-B MSV: B18DCVT216 Ngày sinh: 11/12/2000 CMT/CC: 013689333)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 590), cấp ngày 04/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 04/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	9	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	9	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
9	Đoàn Văn Phúc (Lớp: D18CQVT03-B MSV: B18DCVT323 Ngày sinh: 29/08/2000 CMT/CC: 033200002306)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 650), cấp ngày 27/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 27/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
10	Nguyễn Trọng Đại (Lớp: D18CQCN07-B MSV: B18DCCN128 Ngày sinh: 08/12/2000 CMT/CC: 132398989)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 830), cấp ngày 03/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 03/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
11	Lê Đức Phan Anh (Lớp: D18CQCN06-B MSV: B18DCCN017 Ngày sinh: 22/04/2000 CMT/CC: 001200014669)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 555), cấp ngày 01/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 01/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	9	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	9	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
	Phạm Tùng Lâm (Lớp: D18CQCN05-B	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
12	MSV: B18DCCN324 Ngày sinh: 24/04/2000 CMT/CC: 038200014053)	BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 495), cấp ngày 10/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/11/2021
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
13	Lê Bá Kiên (Lớp: D18CQCN05-B MSV: B18DCCN291 Ngày sinh: 08/10/2000 CMT/CC: 038200010417)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 545), cấp ngày 10/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-			
14	Nguyễn Thị Hồng (Lớp: D18CQCN08-B MSV: B18DCCN250 Ngày sinh: 27/08/2000 CMT/CC: 001300023847)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 450), cấp ngày 23/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 23/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
15	Phạm Đình Hai (Lớp: D18CQCN07-B MSV: B18DCCN194 Ngày sinh: 08/01/2000 CMT/CC: 034200001309)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 490), cấp ngày 13/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 13/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
16	Nguyễn Thị Linh (Lớp: D18CQCN11-B MSV: B18DCCN330 Ngày sinh: 24/07/2000)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 460), cấp ngày
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	7	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
16	CMT/CC: 125924273)	BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	10/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/11/2021
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
17	Cao Hoàng Anh (Lớp: D18CQCN05-B MSV: B18DCCN005 Ngày sinh: 24/04/2000 CMT/CC: 187829375)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 595), cấp ngày 01/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 01/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
18	Nguyễn Đức Đạt (Lớp: D18CQCN05-B MSV: B18DCCN137 Ngày sinh: 26/02/2000 CMT/CC: 001200017031)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 890), cấp ngày 05/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 05/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
19	Nguyễn Quang Huy (Lớp: D18CQCN05-B MSV: B18DCCN269 Ngày sinh: 12/01/2000 CMT/CC: 164678312)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 485), cấp ngày 23/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 23/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
20	Nguyễn Huy Trường (Lớp: D18CQCN05-B MSV: B18DCCN676 Ngày sinh: 16/07/2000 CMT/CC: 001200024202)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 530), cấp ngày 23/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 23/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
21	Nguyễn Minh Tú (Lớp: D18CQC�N11-B MSV: B18DCCN550 Ngày sinh: 30/09/2000 CMT/CC: 001200031406)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 505), cấp ngày 23/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 23/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
22	Văn Nhật Duy (Lớp: D18CQC�N03-B MSV: B18DCCN113 Ngày sinh: 08/01/2000 CMT/CC: 038200011483)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 845), cấp ngày 05/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 05/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
23	Phạm Tiến Ánh (Lớp: D18CQC�N03-B MSV: B18DCCN047 Ngày sinh: 15/07/2000 CMT/CC: 031200002958)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 660), cấp ngày 01/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 01/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
24	Lê Đặc Ánh (Lớp: D18CQC�N05-B MSV: B18DCCN016 Ngày sinh: 15/09/2000 CMT/CC: 017531752)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 755), cấp ngày 23/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 23/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
25	Nguyễn Văn Hiếu (Lớp: D18CQCN01-B MSV: B18DCCN221 Ngày sinh: 27/01/2000 CMT/CC: 001200025730)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 495), cấp ngày 23/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 23/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
26	Vũ Huy Hoàng (Lớp: D18CQCN05-B MSV: B18DCCN247 Ngày sinh: 12/01/2000 CMT/CC: 001200010878)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 585), cấp ngày 01/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 01/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	9	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	9	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
27	Dương Ngọc Duy (Lớp: D18CQCN06-B MSV: B18DCCN105 Ngày sinh: 21/08/2000 CMT/CC: 001200001540)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 560), cấp ngày 01/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 01/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	9	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	9	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
28	Nguyễn Thị Thanh (Lớp: D18CQCN01-B MSV: B18DCCN606 Ngày sinh: 17/02/2000 CMT/CC: 038300008961)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 525), cấp ngày 02/02/2019, thời hạn của chứng chỉ: 02/02/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
	Nguyễn Quang Vinh (Lớp: D18CQCN08-B	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét	
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận		
29	MSV: B18DCCN690 Ngày sinh: 13/09/2000 CMT/CC: 036200011526)	BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 535), cấp ngày 17/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 17/12/2021	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	9		
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-		-
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-		-
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-		-
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-		-
30	Trần Ngọc Đắc (Lớp: D18CQCN06-B MSV: B18DCCN149 Ngày sinh: 04/12/2000 CMT/CC: 036200002257)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 450), cấp ngày 01/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 01/12/2021	
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-		
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	7		
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	7		
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-		-
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-		-
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-		-
BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	-			
31	Nguyễn Quỳnh Anh (Lớp: D18CQCN03-B MSV: B18DCCN025 Ngày sinh: 01/04/2000 CMT/CC: 001300011527)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 760), cấp ngày 17/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 17/12/2021	
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-		
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-		
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-		
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10		
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10		
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-		
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-		
32	Lê Bảo Yến (Lớp: D18CQCN09-B MSV: B18DCCN702 Ngày sinh: 20/05/2000 CMT/CC: 038300008377)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 645), cấp ngày 31/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 31/12/2021	
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-		
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	10		
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	10		
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-		
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-		
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-		
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-		
33	Nguyễn Văn Khánh (Lớp: D18CQCN04-B MSV: B18DCCN312 Ngày sinh: 26/03/2000)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 515), cấp ngày	
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-		
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	9		
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	9		

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
33	CMT/CC: 001200013291)	BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	10/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/11/2021
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
34	Trần Tấn Đạt (Lớp: D18CQCN02-B MSV: B18DCCN145 Ngày sinh: 02/01/2000 CMT/CC: 034200007326)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 455), cấp ngày 05/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 05/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
35	Phạm Công Thành (Lớp: D18CQCN03-B MSV: B18DCCN619 Ngày sinh: 23/10/2000 CMT/CC: 184415207)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 575), cấp ngày 09/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 09/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
36	Phạm Minh Đức (Lớp: D18CQCN03-B MSV: B18DCCN179 Ngày sinh: 02/10/2000 CMT/CC: 164680077)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 615), cấp ngày 24/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 24/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
37	Nguyễn Việt Minh Hoàng (Lớp: D18CQCN02-B MSV: B18DCCN244 Ngày sinh: 11/12/2000 CMT/CC: 091880383)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 865), cấp ngày 24/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 24/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
38	Quản Văn Chung (Lớp: D18CQCN02-B MSV: B18DCCN090 Ngày sinh: 28/12/2000 CMT/CC: 001200030695)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 450), cấp ngày 10/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
39	Phạm Thị Quỳnh Trang (Lớp: D18CQCN04-B MSV: B18DCCN664 Ngày sinh: 10/07/2000 CMT/CC: 033300006650)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 610), cấp ngày 11/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 11/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
40	Nguyễn Bảo Trung (Lớp: D18CQCN09-B MSV: B18DCCN669 Ngày sinh: 24/04/2000 CMT/CC: 187840393)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 500), cấp ngày 11/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 11/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
41	My Duy Thanh (Lớp: D18CQCN10-B MSV: B18DCCN604 Ngày sinh: 01/01/2000 CMT/CC: 175067937)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 685), cấp ngày 11/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 11/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
42	Phạm Văn Thanh (Lớp: D18CQCN02-B MSV: B18DCCN607 Ngày sinh: 28/11/2000 CMT/CC: 036200007778)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 650), cấp ngày 11/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 11/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
43	Nguyễn Thị Hồng Oanh (Lớp: D18CQCN04-B MSV: B18DCCN466 Ngày sinh: 06/08/2000 CMT/CC: 036300013235)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 625), cấp ngày 12/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 12/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
44	Nguyễn Minh Đức (Lớp: D18CQCN09-B MSV: B18DCCN174 Ngày sinh: 30/10/2000 CMT/CC: 001200012259)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 545), cấp ngày 10/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
45	Lê Đức Duy (Lớp: D18CQCN09-B MSV: B18DCCN108 Ngày sinh: 23/06/2000 CMT/CC: 031200009367)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 700), cấp ngày 10/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
	Vũ Đức Đông (Lớp: D18CQCN07-B)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét	
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận		
46	MSV: B18DCCN161 Ngày sinh: 13/10/2000 CMT/CC: 001200027772)	BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 615), cấp ngày 10/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/12/2021	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	10		
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-		-
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-		-
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-		-
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-		-
47	Đỗ Bùi Thành Nam (Lớp: D18CQCN02-B MSV: B18DCCN420 Ngày sinh: 09/10/2000 CMT/CC: 036200000160)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 850), cấp ngày 10/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/9/2021	
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-		
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-		
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-		
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10		
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10		
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-		
BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-				
48	Nguyễn Anh Tuấn (Lớp: D18CQCN02-B MSV: B18DCCN563 Ngày sinh: 08/10/2000 CMT/CC: 036200006319)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 630), cấp ngày 24/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 24/9/2021	
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-		
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-		
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-		
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10		
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10		
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-		
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-		
49	Lê Tú Oanh (Lớp: D18CQCN03-B MSV: B18DCCN465 Ngày sinh: 01/07/2000 CMT/CC: 033300006640)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 540), cấp ngày 17/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 17/12/2021	
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-		
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-		
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-		
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	8		
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	8		
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-		
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-		
50	Thiều Văn Tuấn (Lớp: D18CQAT01-B MSV: B18DCAT217 Ngày sinh: 04/11/2000)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 815), cấp ngày	
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-		
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-		
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-		

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
50	CMT/CC: 033200001480)	BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	05/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 05/12/2021
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
51	Phạm Hồng Quyên (Lớp: D18CQAT04-B MSV: B18DCAT196 Ngày sinh: 05/12/2000 CMT/CC: 001300003659)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 850), cấp ngày 20/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 20/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
52	Phan Thanh Trang (Lớp: D18CQAT03-B MSV: B18DCAT247 Ngày sinh: 05/08/2000 CMT/CC: 013676479)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 845), cấp ngày 03/01/2020, thời hạn của chứng chỉ: 03/01/2022
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
53	Trần Thanh Tùng (Lớp: D18CQAT03-B MSV: B18DCAT227 Ngày sinh: 10/05/2000 CMT/CC: 036200006272)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 700), cấp ngày 22/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 22/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
54	Đặng Đức Nguyên (Lớp: D18CQAT01-B MSV: B18DCAT173 Ngày sinh: 27/08/2000 CMT/CC: 001200031964)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 450), cấp ngày 23/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 23/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
55	Trần Thị Mến (Lớp: D18CQAT04-B MSV: B18DCAT160 Ngày sinh: 01/07/2000 CMT/CC: 035300004848)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 515), cấp ngày 11/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 11/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
56	Vũ Thị Thúy Vân (Lớp: D18CQAT04-B MSV: B18DCAT260 Ngày sinh: 13/11/2000 CMT/CC: 036300010186)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 735), cấp ngày 11/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 11/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
57	Lương Nguyệt Anh (Lớp: D18CQAT04-B MSV: B18DCAT004 Ngày sinh: 14/10/2000 CMT/CC: 132438564)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 555), cấp ngày 10/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	9	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	9	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
58	Nguyễn Thanh Tùng (Lớp: D18CQAT01-B MSV: B18DCAT225 Ngày sinh: 23/10/2000 CMT/CC: 001200012048)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 705), cấp ngày 10/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
59	Nguyễn Ngọc Anh (Lớp: D18CQAT03-B MSV: B18DCAT007 Ngày sinh: 25/05/2000 CMT/CC: 122305014)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 495), cấp ngày 10/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	8	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	8	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
60	Phùng Hồng Vân (Lớp: D18CQAT03-B MSV: B18DCAT259 Ngày sinh: 12/01/2000 CMT/CC: 026300002694)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 490), cấp ngày 10/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	8	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	8	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
61	Đình Mạnh Hải (Lớp: D18CQAT01-B MSV: B18DCAT069 Ngày sinh: 29/11/2000 CMT/CC: 001200007993)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 640), cấp ngày 06/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 06/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
62	Nguyễn Đăng Khánh Tùng (Lớp: D18CQAT01-B MSV: B18DCAT221 Ngày sinh: 26/02/2000 CMT/CC: 001200011650)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 805), cấp ngày 01/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 01/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
	Trịnh Thị Thu (Lớp: D18CQDT01-B)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
63	MSV: B18DCDT249 Ngày sinh: 16/11/2000 CMT/CC: 036300005447)	BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 490), cấp ngày 10/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/9/2021
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
64	Lê Đức Anh (Lớp: D18CQDT04-B MSV: B18DCDT004 Ngày sinh: 26/10/2000 CMT/CC: 001200001209)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 870), cấp ngày 05/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 05/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-			
65	Trần Đình Khiêm (Lớp: D18CQDT02-B MSV: B18DCDT114 Ngày sinh: 08/10/2000 CMT/CC: 001200030650)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 450), cấp ngày 10/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
66	Cần Ngọc Đức (Lớp: D18CQDT01-B MSV: B18DCDT053 Ngày sinh: 04/03/2000 CMT/CC: 001200001556)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 700), cấp ngày 10/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
67	Nguyễn Tiến Đức (Lớp: D18CQDT01-B MSV: B18DCDT057 Ngày sinh: 26/12/2000)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 500), cấp ngày
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	9	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
67	CMT/CC: 001200021969)	BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	10/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/11/2021
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
68	Nguyễn Thành Luân (Lớp: D18CQPT04-B MSV: B18DCPT149 Ngày sinh: 06/02/2000 CMT/CC: 013677953)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 915), cấp ngày 14/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 14/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
69	Nguyễn Văn Long (Lớp: D18CQPT04-B MSV: B18DCPT144 Ngày sinh: 15/09/2000 CMT/CC: 001200016671)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 780), cấp ngày 05/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 05/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
70	Đông Anh Tuấn (Lớp: D18CQPT05-B MSV: B18DCPT205 Ngày sinh: 24/08/2000 CMT/CC: 001200000939)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 660), cấp ngày 01/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 01/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
71	Nguyễn Thị Quỳnh Ngân (Lớp: D18CQPT04-B MSV: B18DCPT164 Ngày sinh: 30/11/2000 CMT/CC: 187845363)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 580), cấp ngày 01/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 01/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	9	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	9	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
72	Nguyễn Chính Minh (Lớp: D18CQPT02-B MSV: B18DCPT157 Ngày sinh: 15/08/2000 CMT/CC: 001200033220)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 710), cấp ngày 30/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 30/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
73	Nguyễn Thị Thanh Phương (Lớp: D18CQTT01-B MSV: B18DCTT093 Ngày sinh: 26/03/2000 CMT/CC: 034300004134)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 555), cấp ngày 01/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 01/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
74	Ngô Minh Hằng (Lớp: D18CQTT01-B MSV: B18DCTT031 Ngày sinh: 05/10/2000 CMT/CC: 031300003223)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 865), cấp ngày 10/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
75	Trần Nguyên Khang (Lớp: D18CQTT02-B MSV: B18DCTT050 Ngày sinh: 19/05/2000 CMT/CC: 001200013954)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 990), cấp ngày 11/7/2019, thời hạn của chứng chỉ: 11/7/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
76	Phan Thị Bảo Hoa (Lớp: D18CQTT02-B MSV: B18DCTT038 Ngày sinh: 04/10/2000 CMT/CC: 001300008593)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 595), cấp ngày 11/7/2019, thời hạn của chứng chỉ: 11/7/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
77	Đặng Thị Hà (Lớp: D18CQMR04-B MSV: B18DCMR052 Ngày sinh: 20/11/2000 CMT/CC: 001300003791)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 545), cấp ngày 22/10/2019, thời hạn của chứng chỉ: 22/10/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	9	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	9	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
78	Văn Công Thịnh (Lớp: D18CQMR04-B MSV: B18DCMR180 Ngày sinh: 28/11/2000 CMT/CC: 001200006990)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 620), cấp ngày 10/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
79	Nguyễn Đức Minh (Lớp: D18CQMR01-B MSV: B18DCMR125 Ngày sinh: 16/04/2000 CMT/CC: 001200017018)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 625), cấp ngày 02/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 02/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
	Nguyễn Thị Mỹ Linh (Lớp: D18CQMR04-B	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
80	MSV: B18DCMR108 Ngày sinh: 21/09/2000 CMT/CC: 122334687)	BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 565), cấp ngày 10/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/11/2021
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	9	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	9	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
81	Nguyễn Thị Thúy (Lớp: D18CQMR02-B MSV: B18DCMR186 Ngày sinh: 23/06/2000 CMT/CC: 001300027988)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 685), cấp ngày 20/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 20/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-			
82	Nguyễn Thị Thu Trang (Lớp: D18CQMR02-B MSV: B18DCMR194 Ngày sinh: 29/09/2000 CMT/CC: 001300009746)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 685), cấp ngày 05/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 05/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-			
83	Trịnh Thị Vân (Lớp: D18CQMR02-B MSV: B18DCMR206 Ngày sinh: 15/11/2000 CMT/CC: 122318494)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 615), cấp ngày 05/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 05/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-			
84	Nguyễn Phương Anh (Lớp: D18CQQT01-B MSV: B18DCQQT009 Ngày sinh: 16/09/2000)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 805), cấp ngày
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
84	CMT/CC: 001300006984)	BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	10/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/9/2021
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
85	Lưu Thùy Linh (Lớp: D18CQQT04-B MSV: B18DCQT084 Ngày sinh: 19/12/2000 CMT/CC: 001300027618)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 475), cấp ngày 10/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
86	Đặng Linh Trang (Lớp: D18CQQT02-B MSV: B18DCQT158 Ngày sinh: 14/12/2000 CMT/CC: 034300003531)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 580), cấp ngày 22/10/2019, thời hạn của chứng chỉ: 22/10/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
87	Vũ Phương Anh (Lớp: D18CQQT03-B MSV: B18DCQT015 Ngày sinh: 02/02/2000 CMT/CC: 013694528)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 595), cấp ngày 13/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 13/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
88	Nguyễn Thị Thanh Ngọc (Lớp: D18CQQT02-B MSV: B18DCQT118 Ngày sinh: 20/10/2000 CMT/CC: 030300006356)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 570), cấp ngày 22/10/2019, thời hạn của chứng chỉ: 22/10/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
89	Từ Công Nghĩa (Lớp: D18CQQT02-B MSV: B18DCQT114 Ngày sinh: 18/11/2000 CMT/CC: 187819238)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 580), cấp ngày 21/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 21/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
90	Vũ Hoàng Anh (Lớp: D18CQQT02-B MSV: B18DCQT014 Ngày sinh: 24/06/2000 CMT/CC: 036200000090)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 600), cấp ngày 21/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 21/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
91	Phạm Ngô Mỹ Linh (Lớp: D18CQTM01-B MSV: B18DCTM031 Ngày sinh: 21/12/2000 CMT/CC: 031300003460)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 710), cấp ngày 25/5/2019, thời hạn của chứng chỉ: 25/5/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
92	Lê Quang Chương (Lớp: D18CQTM01-B MSV: B18DCTM009 Ngày sinh: 21/06/2000 CMT/CC: 001200025763)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 565), cấp ngày 25/5/2019, thời hạn của chứng chỉ: 25/5/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-			

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
93	Phạm Thị Thanh Loan (Lớp: D18CQTM01-B MSV: B18DCTM032 Ngày sinh: 06/03/2000 CMT/CC: 035300004241)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 755), cấp ngày 01/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 01/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
94	Nguyễn Minh Trang (Lớp: D18CQTM01-B MSV: B18DCTM062 Ngày sinh: 06/08/2000 CMT/CC: 001300024135)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 715), cấp ngày 10/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
95	Nguyễn Thị Ngọc (Lớp: D18CQTM01-B MSV: B18DCTM042 Ngày sinh: 21/10/2000 CMT/CC: 036300003380)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 570), cấp ngày 10/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	9	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	9	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
96	Nguyễn Đăng Hiếu (Lớp: D18CQTM01-B MSV: B18DCTM019 Ngày sinh: 01/10/2000 CMT/CC: 013677950)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 530), cấp ngày 10/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	8	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	8	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
	Phạm Phương Mai (Lớp: D18CQKT04-B	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
97	MSV: B18DCKT108 Ngày sinh: 28/04/2000 CMT/CC: 001300028127)	BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 670), cấp ngày 23/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 23/9/2021
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
98	Kiều Thị Lan Anh (Lớp: D18CQKT04-B MSV: B18DCKT004 Ngày sinh: 04/09/2000 CMT/CC: 001300030986)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 505), cấp ngày 17/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 17/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	8	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	8	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-			
99	Nguyễn Thị Diệu Huyền (Lớp: D18CQKT04-B MSV: B18DCKT072 Ngày sinh: 01/06/2000 CMT/CC: 026300005982)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 460), cấp ngày 20/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 20/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-			
100	Trịnh Ngọc Lan (Lớp: D18CQKT04-B MSV: B18DCKT084 Ngày sinh: 19/12/1999 CMT/CC: 152246190)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 490), cấp ngày 20/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 20/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-			
101	Vũ Thị Khánh Ly (Lớp: D18CQKT01-B MSV: B18DCKT105 Ngày sinh: 15/07/2000)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 515), cấp ngày
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	9	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
101	CMT/CC: 036300008095)	BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	10/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/11/2021
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
102	Vũ Thị Hồng (Lớp: D18CQKT01-B MSV: B18DCKT069 Ngày sinh: 31/10/2000 CMT/CC: 164662684)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 535), cấp ngày 10/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
103	Phạm Thị Thu (Lớp: D18CQKT04-B MSV: B18DCKT180 Ngày sinh: 06/01/2000 CMT/CC: 001300021904)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 590), cấp ngày 10/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	9	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	9	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
104	Phạm Thị Duyên (Lớp: D18CQKT04-B MSV: B18DCKT036 Ngày sinh: 02/06/2000 CMT/CC: 036300004527)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 525), cấp ngày 22/10/2019, thời hạn của chứng chỉ: 22/10/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	x	-	-	8	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	x	-	-	8	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
105	Vương Thị Ngân (Lớp: D18CQKT04-B MSV: B18DCKT120 Ngày sinh: 22/07/2000 CMT/CC: 036300009415)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 470), cấp ngày 10/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	x	-	-	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	x	-	-	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

Danh sách gồm 105 sinh viên

LẬP BIỂU

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Chu Phương Hiền

TS. Vũ Tuấn Lâm